



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Green+

Ngày 31/12/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.2%	-	-

DT thuần Q4/25
52.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.10 10.7%
YoY: ▲ 15.3 40.8%

LN thuần Q4/25
10.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.5 249%
YoY: ▲ 12.6 600%

LN sau thuế Q4/25
9.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.9 232%
YoY: ▲ 11.3 648%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
9.1%
YoY: +/- ▼ 3.7%

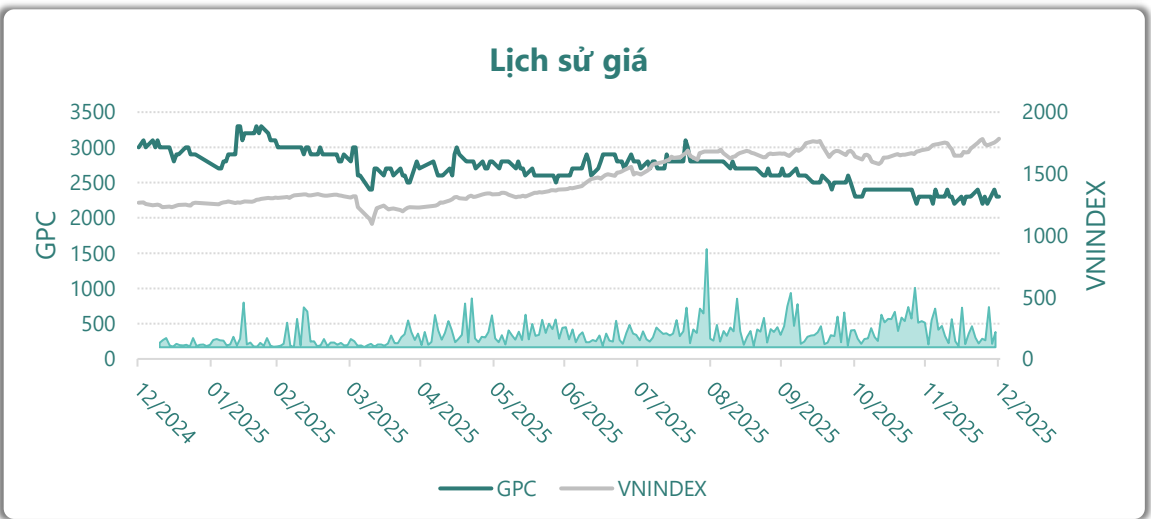
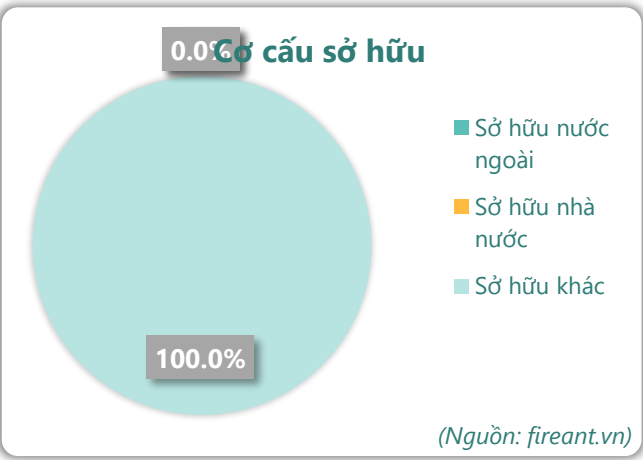
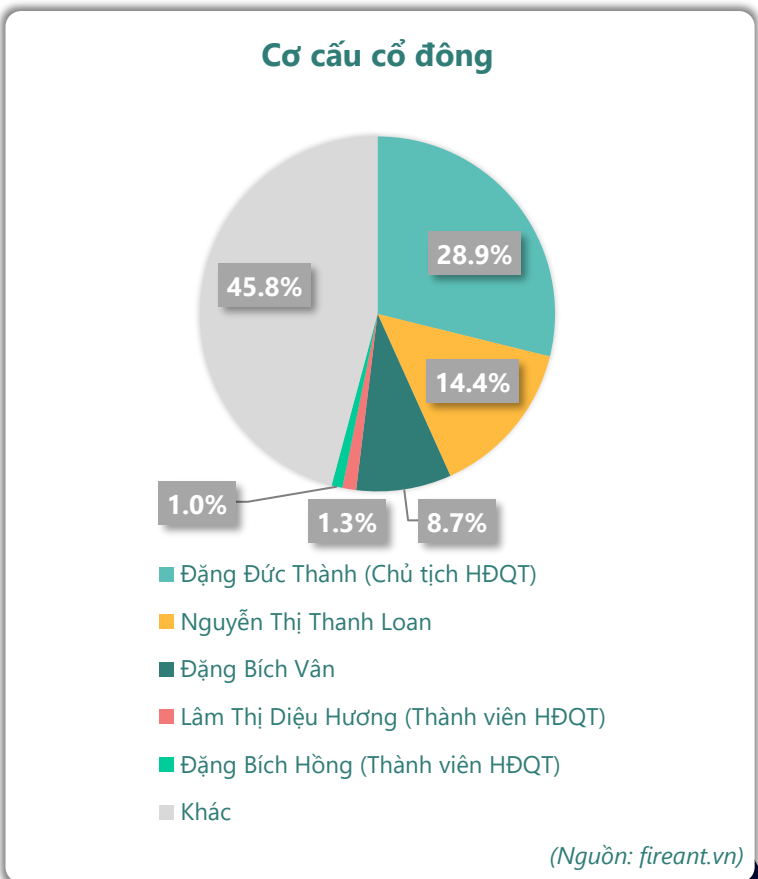
ROE 2025
0.7%
YoY: +/- ▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,200 - 3,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	124
Số lượng CPLH (CP)	54,072,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.12
EPS	80
P/E	28.7

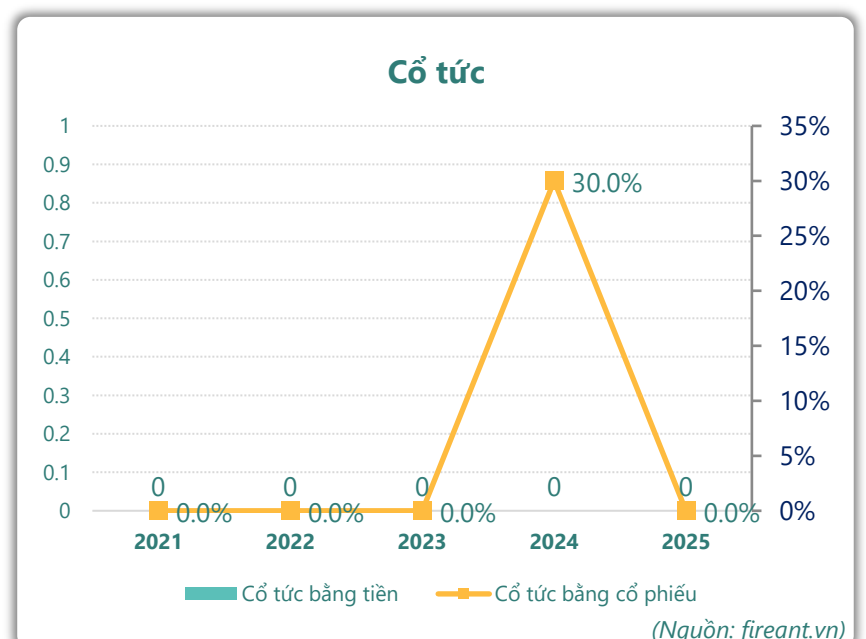
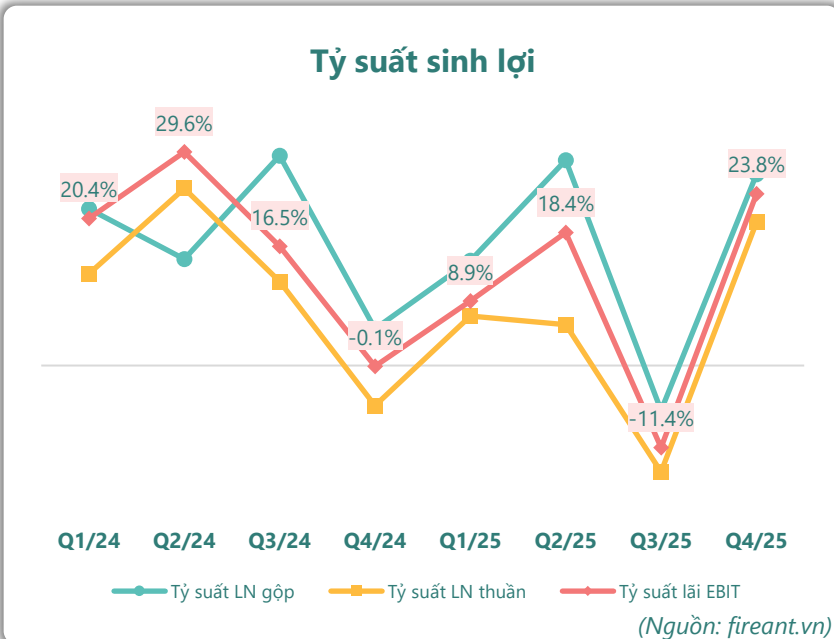
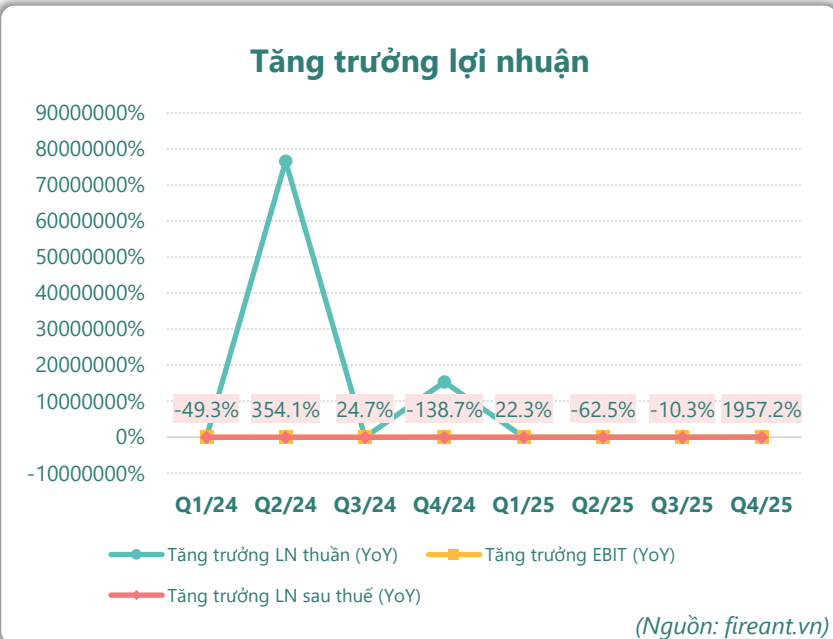
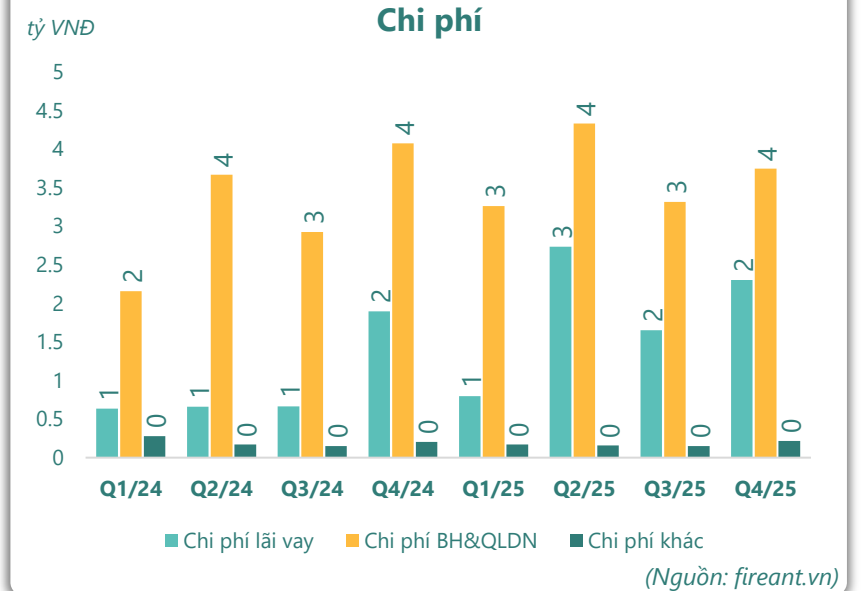
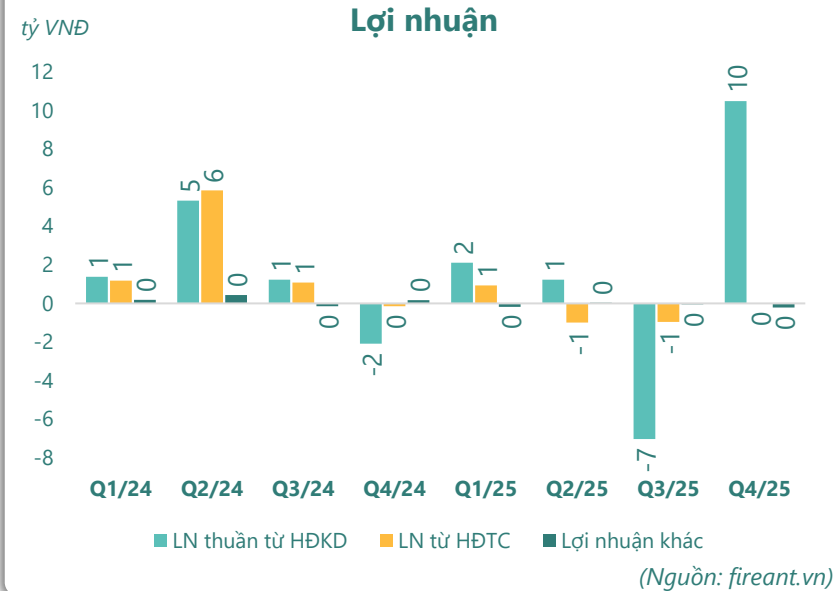
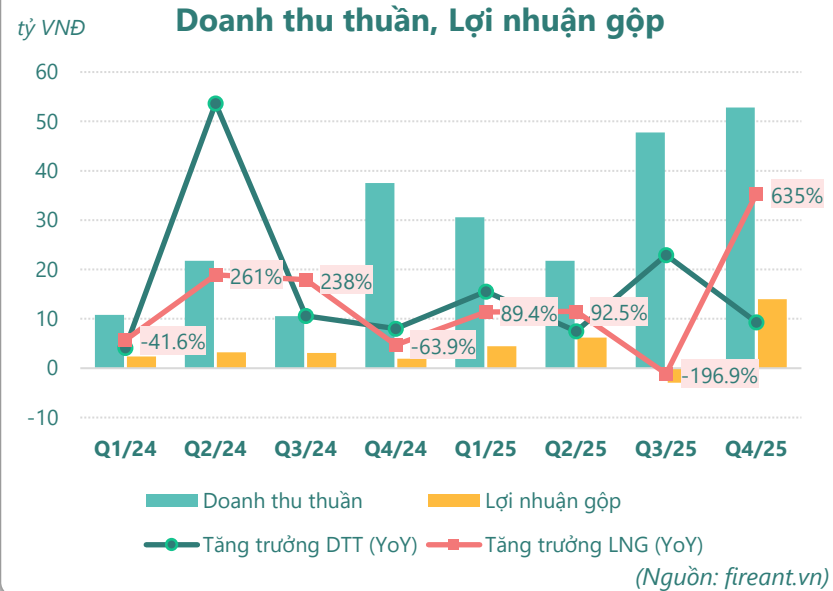
DT thuần 2025
153
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 72.4 89.6%

LN thuần 2025
6.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.95 16.1%

LN sau thuế 2025
4.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 0.12 -2.5%



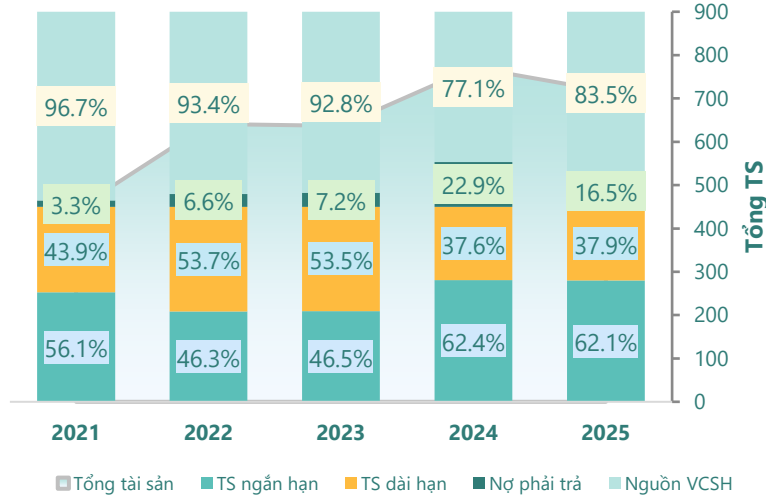
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

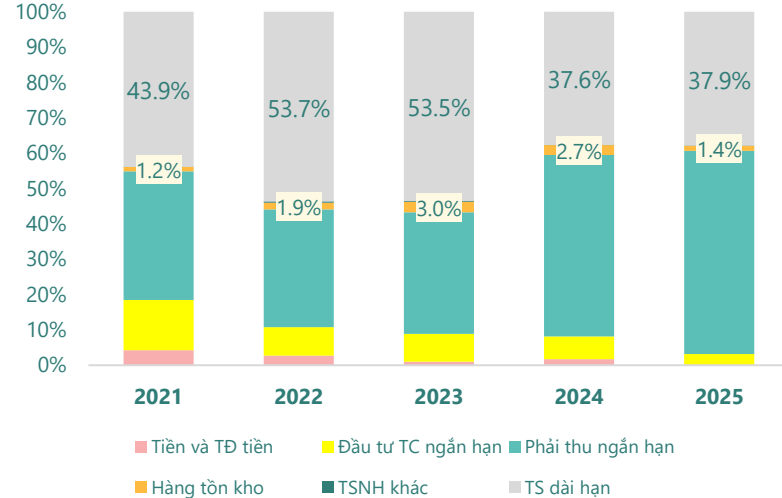
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

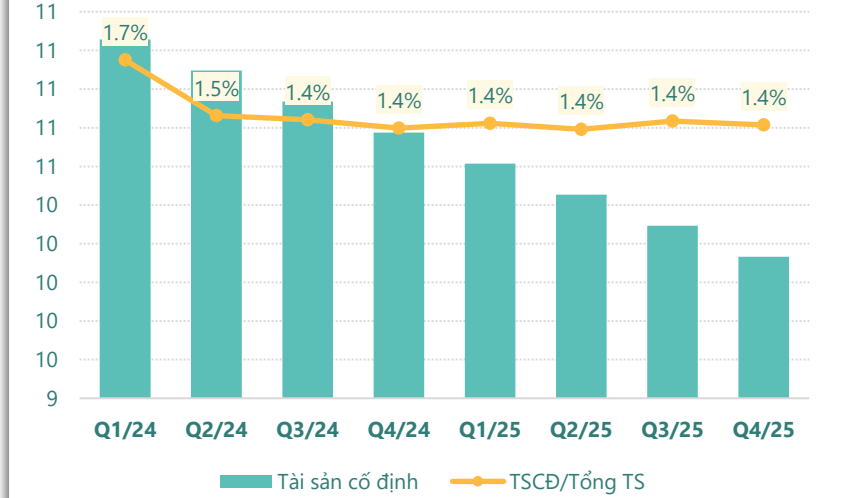
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

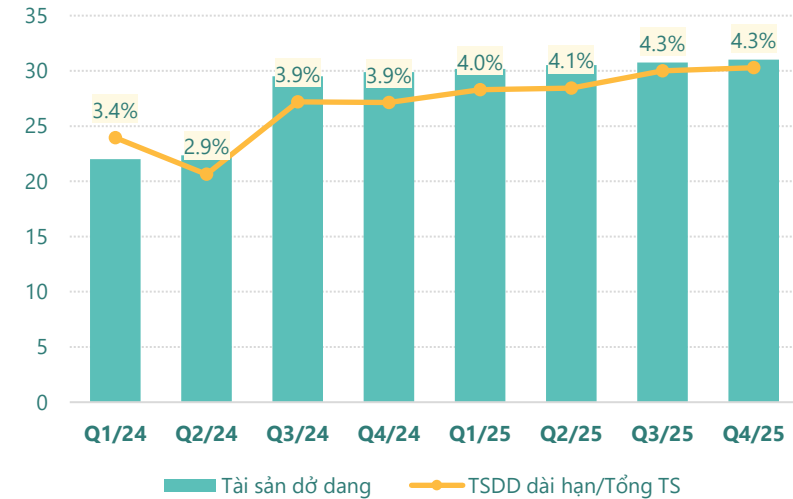
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

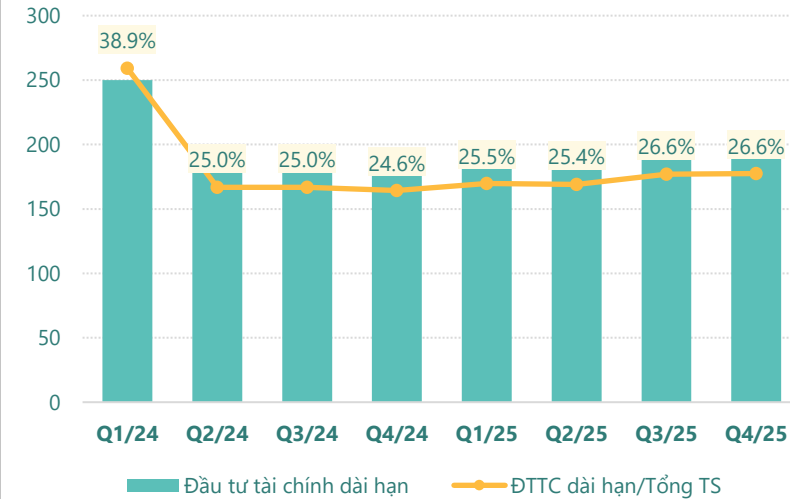
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

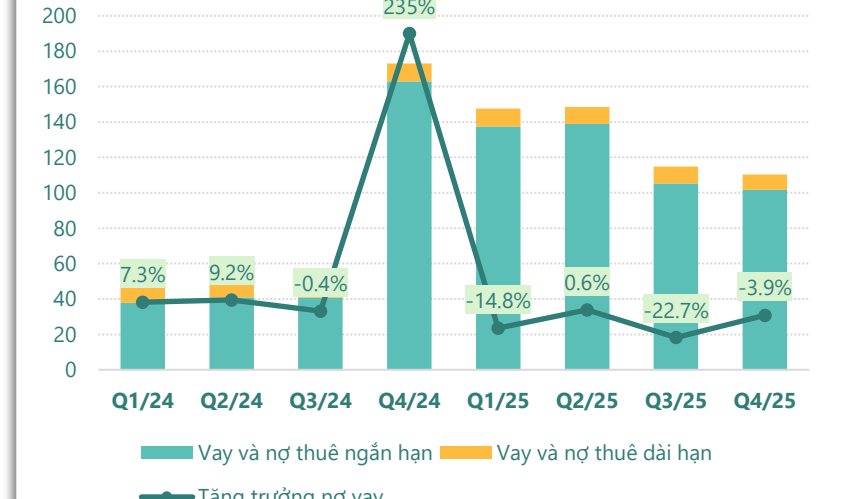
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

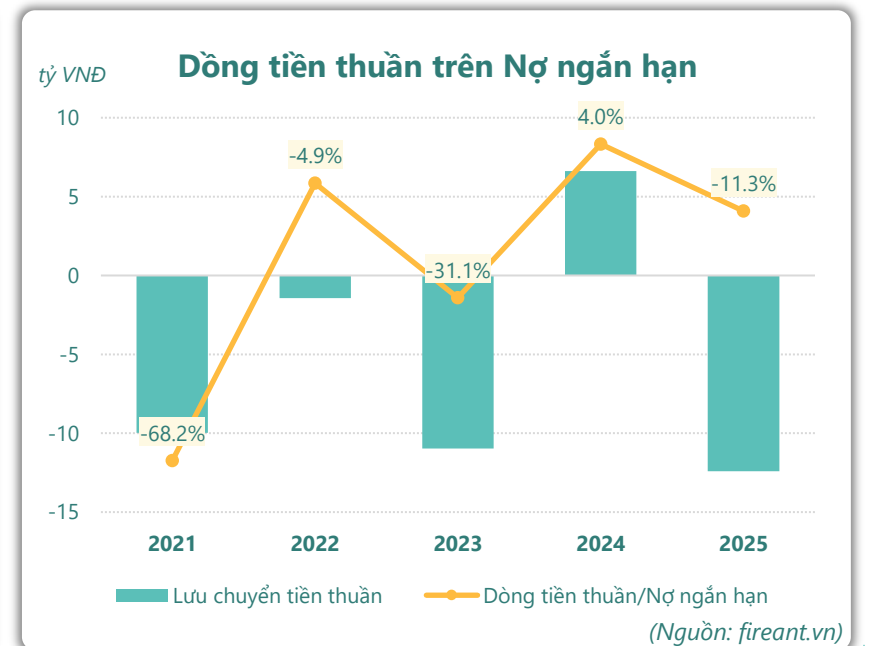
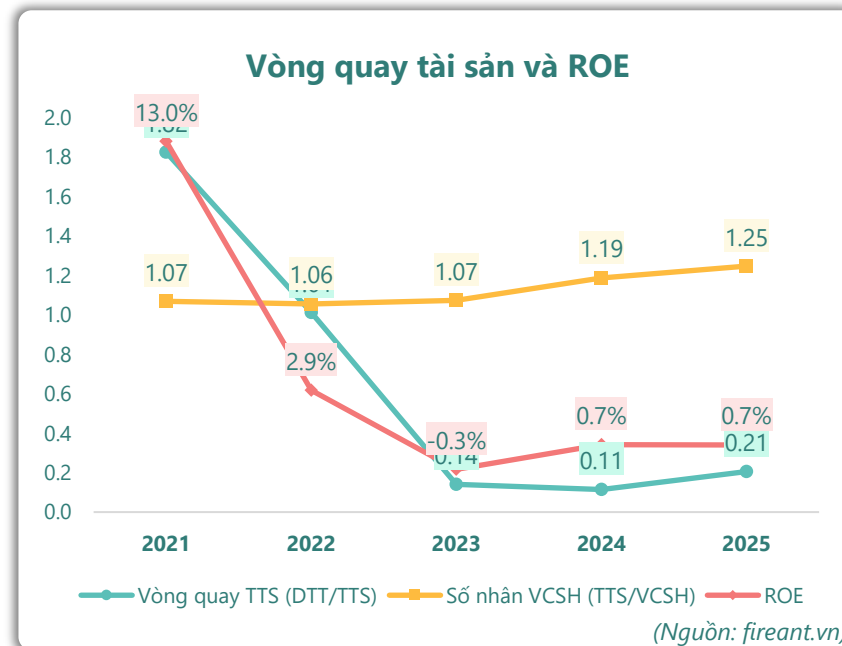
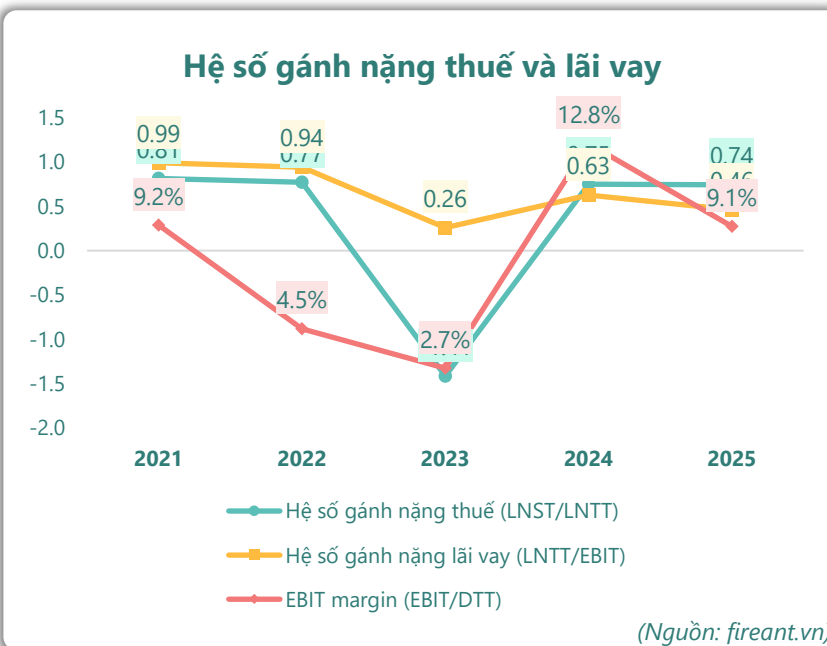
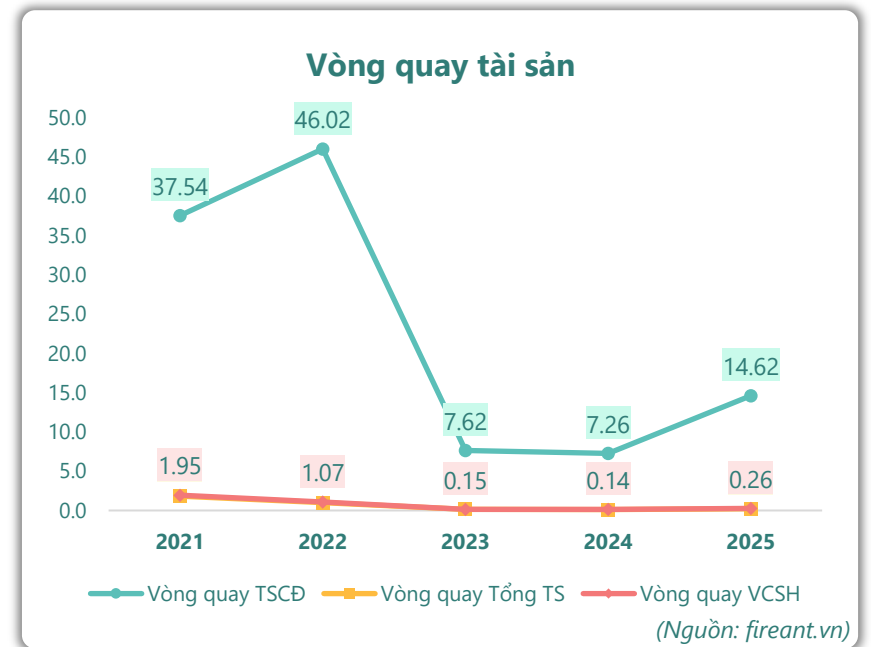
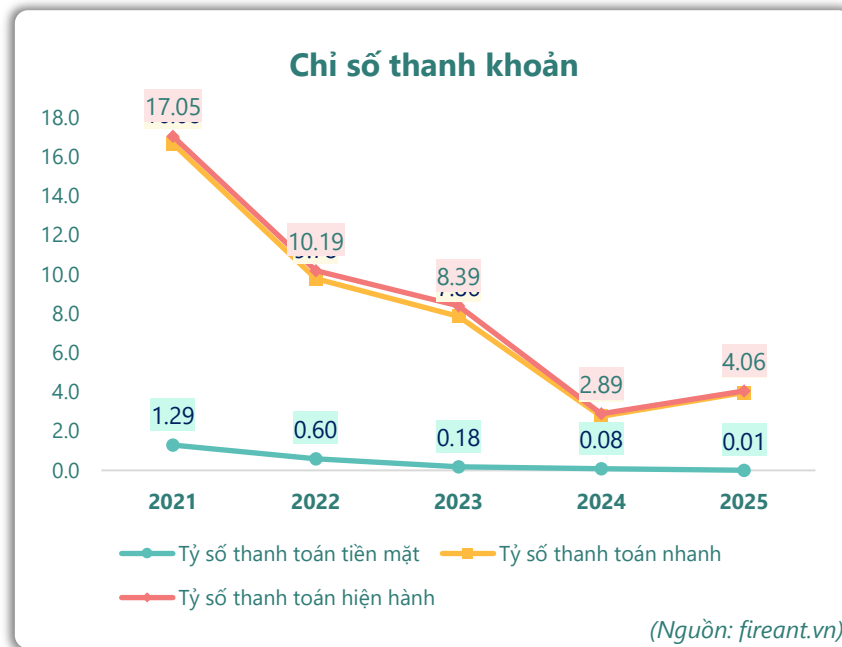
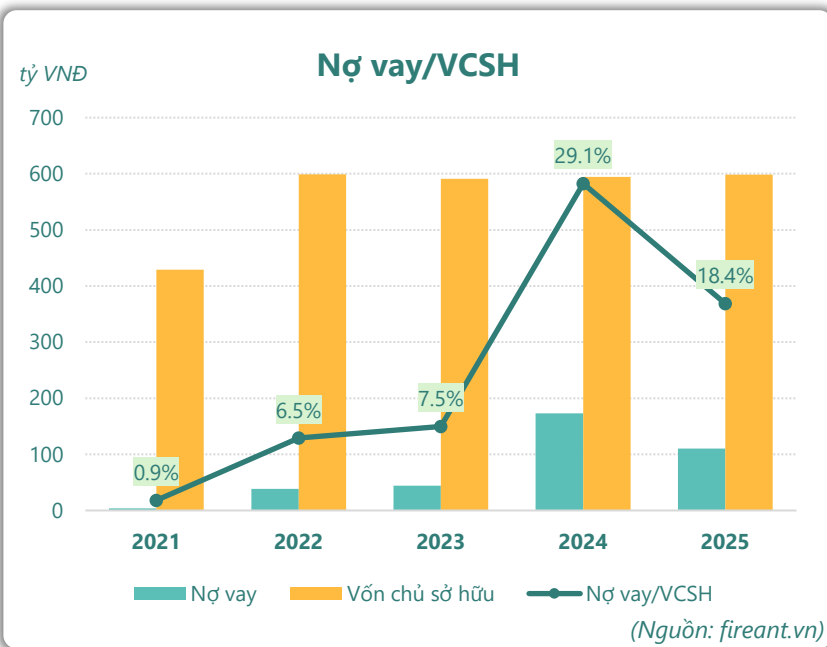
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	52.8	37.5	40.8%	153	80.6	89.6%
Giá vốn hàng bán	38.8	35.6	9.0%	131	70.1	87.2%
Lợi nhuận gộp	14.0	1.90	637%	21.7	10.5	106%
Doanh thu HĐTC	2.30	1.75	31.3%	6.46	7.09	-8.8%
Chi phí TC	2.30	1.90	21.3%	7.49	-0.90	937%
Chi phí lãi vay	2.30	1.90	21.2%	7.49	3.85	94.4%
LN trong công ty LKLD	0.25	0.22	11.7%	0.82	0.16	401%
Chi phí bán hàng	1.22	1.63	-24.9%	3.56	3.15	12.9%
Chi phí QLDN	2.52	2.44	3.3%	11.1	9.68	14.7%
LN thuần từ HĐKD	10.5	-2.10	600%	6.79	5.84	16.1%
Lợi nhuận khác	-0.22	0.16	-235%	-0.39	0.64	-160%
LN trước thuế	10.3	-1.93	633%	6.40	6.49	-1.3%
Lợi nhuận sau thuế	9.59	-1.75	648%	4.75	4.87	-2.5%
LNST của CĐ cty mẹ	9.44	-1.87	605%	4.33	4.37	-0.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.57	-12.9	-1.33	-30.8	6.80	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.41	7.36	44.7	-0.35	43.4	-0.24
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.22	14.1	-25.7	0.96	-33.7	-4.49
Tiền đầu kỳ	7.87	4.49	13.1	30.8	0.57	17.1
Lưu chuyển tiền thuần	-3.37	8.59	17.7	-30.2	16.5	-16.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	4.49	13.1	30.8	0.57	17.1	0.67

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	717	771	-7.1%
Tài sản ngắn hạn	445	481	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	0.67	13.1	-94.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	50.0	-56.0%
Phải thu ngắn hạn	412	396	4.2%
Hàng tồn kho	10.2	21.1	-51.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.91	-65.1%
Tài sản dài hạn	271	290	-6.5%
Phải thu dài hạn	0.59	0.56	6.4%
Tài sản cố định	10.1	10.8	-6.0%
Bất động sản đầu tư	38.0	58.6	-35.2%
Tài sản dở dang	31.0	29.9	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	191	190	0.4%
Tài sản dài hạn khác	0.74	0.43	72.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	177	-33.0%
Nợ ngắn hạn	110	167	-34.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	163	-37.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.16	0.38	-57.1%
Nợ dài hạn	8.72	10.1	-14.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.72	10.0	-13.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	598	594	0.7%
Vốn chủ sở hữu	598	594	0.7%
Vốn điều lệ	541	541	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

